

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1.1. Khái quát về dự toán

* Tên KHLCNT: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán “Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025”

* Chủ đầu tư: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

* Địa điểm thực hiện: Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Số 9 Phạm Văn Bạch, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

* Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (Kinh phí Đề án mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc Ngành KSND giai đoạn 2021-2025).

1.1.2. Giới thiệu về gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Mua sắm xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025

- Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Ngân sách nhà nước (Kinh phí Đề án mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc Ngành KSND giai đoạn 2021-2025).;

- Hình thức và phương thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi;

- Phương thức LCNT: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

- Thời gian tổ chức LCNT: 40 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 7 tháng;

- Tùy chọn mua thêm: Không thực hiện.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại E-HSMT;

- - Chất lượng: mới 100% chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây;

- Đảm bảo đầy đủ, đồng bộ kết cấu, các cụm, bộ phận công tác theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

- Đảm bảo hoạt động đồng bộ của toàn bộ thiết bị; đảm bảo đầy đủ tính năng vận hành; chất lượng vận hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

- Hàng hóa, thiết bị đưa vào gói thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Mã hiệu, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, thiết bị thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu do nhà thầu tự nghiên cứu, đề xuất cho phù hợp với thông số kỹ thuật chi tiết đã được phê duyệt.

- Nhà thầu có trách nhiệm tư vấn kỹ thuật miễn phí cho chủ đầu tư trong việc sửa chữa thay thế vật tư, thiết bị trong suốt vòng đời của trang bị.

- Nhà thầu phải có đầy đủ Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Hàng hóa, thiết bị và dịch vụ liên quan (nếu có) thuộc gói thầu phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây (*thông số kỹ thuật do Chủ đầu tư cung cấp*):

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

TT	Đặc tính kỹ thuật	Nội dung
1	Mô tả chung	Xe chở phạm loại 2 cầu chủ động (4x4), dạng xe bán tải, cabin kép chở được từ 5 người trở lên (bao gồm cả lái xe), khoang chở phạm nhân chở được từ 06 phạm nhân trở lên. Năm sản xuất: từ năm 2025 trở đi, chất lượng mới 100% chưa qua sử dụng. Tay lái thuận bên trái;
2	Động cơ và vận hành	
2.1	Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 4 xi lanh
2.2	Dung tích xi lanh (cc)	≥ 2150
2.3	Công suất cực đại (P) (Ps)	$P \geq 207$ Ps tại số vòng quay tương ứng
2.4	Momen xoắn cực đại (N) (Nm)	$N \geq 440$ Nm tại số vòng quay tương ứng
2.5	Hộp số	Số tự động
2.6	Cabin lái, Hệ thống lái	Cabin kép, có trợ lực, cột lái điều chỉnh được độ nghiêng
2.7	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5 trở lên hoặc tương đương
2.8	Bánh trước/sau	Bánh đơn

3	Kiểu dẫn động	2 cầu chủ động (4x4)
4	Kích thước và trọng lượng	
4.1	Chiều dài tổng thể xe hoàn chỉnh (L) (mm)	$5200 \leq L \leq 5800$
4.2	Chiều rộng tổng thể xe hoàn chỉnh (không bao gồm gương) (W) (mm)	$1800 \leq W \leq 2000$
4.3	Chiều cao tổng thể xe hoàn chỉnh (không bao gồm cửa thông gió nóc xe) (H) (mm)	$2500 \leq H \leq 2800$
4.4	Chiều dài cơ sở (W_B) (mm)	≥ 3270
4.5	Khoảng sáng gầm xe (G_c) (mm)	$220 \leq G_c \leq 250$
4.6	Vệt bánh xe 2 bánh sau (W_t) (mm)	$1500 \leq W_t \leq 1650$
4.7	Khả năng leo dốc	$\geq 25\%$
4.8	Bán kính quay vòng tối thiểu (m)	$\leq 6,2$
4.9	Trọng lượng không tải xe hoàn chỉnh (K_0) (kg)	$2400 \leq K_0 \leq 2500$
4.10	Trọng lượng toàn tải xe hoàn chỉnh (K_1) (kg)	$3390 \leq K_1 \leq 3490$
4.11	Khối lượng chuyên chở của xe hoàn chỉnh (bao gồm cả người và trang bị) (kg)	≥ 800
5	Hệ thống phanh	
5.1	Phanh dừng, đỗ	Có
5.2	Phanh trước/sau	Phanh đĩa
6	Hệ thống treo	
6.1	Hệ thống treo trước	Tay đòn kép
6.2	Hệ thống treo sau	Lá nhíp
6.3	Giảm chấn	Ống đôi
7	Hệ thống điện, hệ thống khởi động	
7.1	Hệ thống điện	Ắc quy 12V (80AH)
7.2	Hệ thống khởi động	12V, 2.0KW
8	Nội thất, ngoại thất	
8.1	Số người chở được trên cabin	Từ 05 người trở lên (bao gồm cả lái xe)
8.2	Hệ thống điều hòa	Có điều hòa nhiệt độ khoang cabin chở cán bộ áp giải và điều hòa chuyên dụng trong khoang chở phạm nhân.

8.3	Hệ thống thông tin, âm thanh trên cabin	FM + AM, USB. Có microphone độc lập đặt trong cabin lái. Có loa riêng biệt đặt trong khoang chở phạm nhân, được lắp đặt chống cạy phá.
8.4	Dây đai an toàn	Trang bị dây đai an toàn cho tất cả người ngồi trên cabin
8.5	Đèn chiếu sáng và tín hiệu	Có đèn pha, đèn sương mù, đèn cảnh báo, đèn trần cabin, gương chiếu hậu, gương trong cabin theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
9	Khoang chở phạm	
9.1	Yêu cầu chung, kích thước, không gian	Kiểu thùng kín, độc lập với cabin, có cửa kính để quan sát. - Khả năng chuyên chở phạm: từ 06 phạm nhân trở lên - Khung thùng cấu tạo chắc chắn, chịu được tải trọng động di chuyển vận hành, các cơ cấu bằng bu lông có các cơ cấu chống tự tháo do quán tính, chống được tác động ngoại lực, nội lực trong quá trình di chuyển. Các cạnh của thùng khi chế tạo đều không có các cạnh sắc với bán kính lượn không nhỏ hơn 7mm. - Sàn khoang được làm từ hợp kim hay thép không rỉ (hoặc thép xử lý bề mặt bằng sơn tĩnh điện), được gia công chống trơn trượt đảm bảo an toàn cho phạm nhân trong quá trình di chuyển và dễ dàng vệ sinh, trang bị ống thoát nước trên mặt sàn.
9.2	Kích thước lòng thùng (mm)	Chiều dài: $1800 \leq L_{lt} \leq 1900$ Chiều rộng: $1800 \leq W_{lt} \leq 1900$ Chiều cao: $1700 \leq H_{lt} \leq 1800$
9.3	Vật liệu chế tạo	Gồm 5 lớp kết hợp với nhau: - Lớp ngoài cùng: Thép tấm, được sơn bảo vệ chống tác nhân của môi trường, độ dày $\geq 0,5$ mm - Hai lớp cách âm có tổng độ dày $\geq 5,4$ mm (mỗi lớp $\geq 2,7$ mm) - Lớp cách nhiệt có độ dày ≥ 33 mm - Lớp trong cùng là thép tấm, được sơn bảo vệ chống tác nhân của môi trường, độ dày $\geq 0,5$ mm
9.4	Ghế ngồi phạm nhân	Có 02 hàng ghế bố trí đối diện nhau theo chiều dọc của khoang chở phạm. Mỗi hàng ghế đủ chỗ cho từ 03 phạm nhân trở lên. Mỗi vị trí ngồi đều được bố trí dây đai an toàn. Vật liệu chế tạo: bằng kim loại, có khả năng chống han gỉ. Kích thước ghế: đáp ứng tiêu chuẩn TCVN-AN 091:2016.

		<p>Chiều rộng mặt ghế không nhỏ hơn 400 mm tính cho một chỗ;</p> <p>Chiều sâu mặt ghế không nhỏ hơn 350 mm</p> <p>Chiều cao từ mặt sàn (không áp dụng cho các vị trí trên hốc lắp bánh xe) tới mặt ghế trong khoảng từ 320mm đến 400 mm.</p> <p>Tay chống xô trên ghế: Mỗi ghế được trang bị các tay chống xô, được chế tạo bằng kim loại, có khả năng chống han gỉ, được liên kết cố định với ghế, đảm bảo chắc chắn.</p> <p>Kích thước tay chống xô: Chiều cao tính từ mặt ghế trong khoảng từ 220 mm đến 250 mm; mặt cắt ngang có đường kính từ 25 mm đến 30 mm.</p>
9.5	Trang bị chống đào thoát	<ul style="list-style-type: none"> - Khoang chở phạm nhân có từ 06 khóa cùm chân trở lên chia đều cho các vị trí ngồi của phạm nhân. - Khóa cùm chân được trang bị dạng thanh suốt cho mỗi hàng ghế, giúp chống lại việc phạm nhân tự ý rời khỏi chỗ ngồi cũng như đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho phạm nhân trong quá trình di chuyển. - Khóa cùm chân được cấu tạo với cơ chế vận hành dễ dàng trong khi đóng và mở khóa bởi nhân viên áp giải.
9.6	Hệ thống thông gió, lấy sáng, ô cửa quan sát (giám sát)	
9.6.1	Ô thông gió	<ul style="list-style-type: none"> - Ô thông gió trên nóc xe: 01 ô thông gió cấu tạo kiểu cơ khí với phần nắp đậy ở bên trên, có 2 thanh đỡ ở 2 viền. Được gia cố an toàn bằng các chấn song thép $\geq \text{Ø}12\text{mm}$, giữa các chấn song có kích thước không lớn hơn 100 mm. Lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 1962N (200kg) Kích thước: Chiều dài: ≥ 400 mm Chiều rộng: ≥ 400 mm - Ô thông gió ở hai bên thành khoang và phía sau: bên ngoài là tấm chớp và bên trong là tấm thép, được đột lỗ, đảm bảo quá trình lưu thông khí tốt và ngăn không cho trao đổi vật phẩm giữa trong và ngoài khoang. Gồm 04 ô thông gió: bố trí 02 ô trên hai bên thành khoang và 02 ô tại phía sau khoang (trên cửa sau.). Kích thước: chiều dài: ≥ 350 mm, chiều rộng: ≥ 350 mm

9.6.2	Ô lấy sáng	<p>Gồm 04 ô được bố trí 02 ô hai bên thành khoang chở phạm nhân và 02 ô phía sau của khoang (trên cửa sau).</p> <p>Ô lấy sáng được cấu tạo gồm 3 lớp:</p> <p>Lớp một: Được gia cố an toàn bằng các chấn song thép $\geq \text{Ø}12\text{mm}$, giữa các chấn song có kích thước không lớn hơn 100 mm, lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 1962 N (200kg)</p> <p>Lớp hai: Được cấu tạo bằng kính an toàn</p> <p>Lớp ba: Là tấm thép được đột lỗ</p> <p>Kích thước ô lấy sáng 2 bên thành khoang:</p> <p>Chiều dài: ≥ 350 mm</p> <p>Chiều rộng: ≥ 350 mm</p> <p>Kích thước ô lấy sáng trên cửa sau:</p> <p>Chiều dài: ≥ 350 mm</p> <p>Chiều rộng: ≥ 300 mm</p>
9.6.3	Ô quan sát	<p>Ô kính quan sát từ khoang chở cán bộ áp giải (cabin):</p> <p>Ô quan sát được cấu tạo gồm 3 lớp:</p> <p>Lớp một: Được gia cố an toàn bằng các chấn song thép $\geq \text{Ø}10\text{mm}$, giữa các chấn song có kích thước không lớn hơn 100 mm, lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 981N (100kg).</p> <p>Lớp hai: được cấu tạo bằng kính an toàn.</p> <p>Lớp ba: Là tấm thép được đột lỗ đảm bảo quan sát được bên trong khoang.</p> <p>Kích thước: Chiều dài: ≥ 800 mm, chiều rộng: ≥ 350 mm</p>
9.7	Cửa sau	<p>Được thiết kế theo kiểu mở ra, gồm 02 cánh (Kiểu Container), có khóa an toàn, chống cạy phá. Các liên kết bằng bulong, chốt cửa bản lề và khóa cửa được thiết kế đảm bảo không tháo được. Lực giật phá hủy tại điểm yếu nhất của thanh khóa không nhỏ hơn 4905N (500kg).</p> <p>Kích thước cửa sau:</p> <p>Chiều rộng: $\geq 785 \times 2$ cánh</p> <p>Chiều cao: ≥ 1650 mm</p>
9.8	Bậc lên xuống	<p>Chiều cao từ mặt bậc thứ nhất tính từ mặt đất không lớn hơn 450mm.</p> <p>Bề mặt bậc lên xuống được tạo nhám.</p>
9.9	Đèn khoang	<p>- Đèn trong cabin lái được lắp đặt để chiếu sáng rõ ràng:</p>

		- Đèn trong khoang chở phạm cho phép sĩ quan quan sát bên trong. - Đèn cho bậc lên xuống.
10	Thiết bị nghiệp vụ	
10.1	Thiết bị phát tín hiệu dành cho xe được quyền ưu tiên	Bộ thiết bị phát tín hiệu dành cho xe được quyền ưu tiên (bao gồm đèn, loa, âm ly). Đèn ưu tiên được bố trí trên nóc Cabin, với hai màu xanh và đỏ, có tích hợp loa ưu tiên, mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi.
	Đèn	
	Chiều dài đèn LED (mm)	1200 mm
	Loa	
	Công suất (W)	≥ 100W
	Nguồn điện áp	12 VDC
	Âm ly	
	Công suất (W)	≥ 70W
	Nguồn điện áp	12 VDC
	Chế độ cảnh báo	Có 5 chế độ trở lên (Horn, Siren, Hi-low, Yelp, Wall)
	Micro	Đặt tại cabin cán bộ áp giải
10.2	Bình chữa cháy	01 bình (≥ 2kg) đặt trong khoang chở cán bộ áp giải
10.3	Hệ thống hình ảnh, camera giám sát	
	Camera quan sát đặt trong khoang chở phạm quan sát cả 6 phạm nhân	Có khả năng quan sát ngày và đêm
	Độ phân giải camera (pixel)	Tối thiểu 1920 x 1080
	Bộ nhớ	≥ 1Tb
	Màn hình màu hiển thị hình ảnh từ camera	
	Độ phân giải màn hình	Tối thiểu Full HD
	Kích thước (inch)	≥ 10 inch
11	Bánh xe dự phòng và bộ đồ thay thế sửa chữa cơ bản	Có 01 bánh xe dự phòng. Bộ đồ nghề sửa chữa tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Ghi chú:

- Trong yêu cầu về kỹ thuật nêu trên, model hay tên thiết bị, nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu tham dự có thể đưa ra các tiêu

chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự “tương đương cơ bản” hoặc cao hơn so với yêu cầu kỹ thuật nêu trên (quy định tại “Tiêu mục 15.9, Mục 15, Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu”);

- “Tương đương cơ bản” được hiểu là có đặc tính kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trong E-HSMT.

- Thông số kỹ thuật trong E-HSMT nêu trên có thể có một số nội dung là Tiếng Anh, viết tắt chuyên ngành kỹ thuật, khi dịch sang Tiếng Việt dễ bị sai lệch ý nghĩa gây khó hiểu, do đó Chủ đầu tư giữ nguyên.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Dịch vụ hỗ trợ

- Kế hoạch bảo dưỡng: Nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hệ thống trước khi bắt đầu nghiệm thu bàn giao.

- Hồ sơ tài liệu: Các hồ sơ tài liệu sau đây Nhà thầu phải cung cấp trong quá trình thực hiện:

+ Hướng dẫn sử dụng: Cung cấp các thông tin cần thiết cho người không quen thuộc với thiết bị có thể hiệu và sử dụng được thiết bị.

+ Hướng dẫn bảo dưỡng: Cung cấp kế hoạch bảo dưỡng ngăn ngừa cho các thiết bị, danh mục các bước thứ tự kiểm tra cho từng thiết bị, .., có quy trình bảo dưỡng phù hợp khả thi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Phụ tùng thay thế: Chính hãng, mới 100%. Nhà thầu có bản cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng với thời gian tối thiểu là 04 năm sau thời gian bảo hành với giá cả hợp lý.

1.3.2. Nghiệm thu, bàn giao

- Hàng hóa, sản phẩm do Nhà thầu cung cấp cần phải được vận chuyển, lắp đặt (nếu có) và bàn giao đến các cơ quan, đơn vị theo chỉ định của Chủ đầu tư.

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật nhà nước. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình hoàn thành công việc.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình phải chuẩn bị và nộp hồ sơ thanh toán theo quy định hiện hành.

1.3.3. Bảo hành

- Thời gian bảo hành: Theo quy định nêu tại mục “Ghi chú” tại Chương III.
- Toàn bộ những trường hợp thiết bị hỏng hóc do lỗi thiết kế hoặc chế tạo, thiết bị hoạt động không đúng, không đủ công năng thiết kế sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.
- Nhà thầu có trách nhiệm tư vấn kỹ thuật miễn phí cho chủ đầu tư trong việc sửa chữa thay thế thiết bị trong toàn bộ quãng đời của hàng hóa
- Giá trị tiền bảo hành: Theo quy định của hợp đồng.
- Hình thức nộp tiền đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành: Dưới dạng bảo lãnh của Ngân hàng hoặc hình thức khác theo quy định.
- Thời hạn hoàn trả tiền bảo hành: Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền bảo hành cho nhà thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà thầu kèm theo biên bản xác nhận của các đơn vị thụ hưởng.

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

* Các kiểm tra, thử nghiệm và giám định hàng hóa cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra kiểu dáng, nhãn mác, hình thức hàng hóa.
- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Toàn bộ hàng hóa phải được thử nghiệm, kiểm tra để chứng tỏ rằng hàng hóa thoả mãn toàn bộ các yêu cầu của điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay buộc phải hư hỏng sau sử dụng, kể cả chi phí điện thử nghiệm. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong HSMT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị có liên quan.
- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của các bên liên quan (và của cơ quan có thẩm quyền về nghiệm thu hàng hóa trong trường hợp cần thiết);
- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.